TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2023/HNGĐ – ST
Ngày 29- 8- 2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tất Linh;
2. Ông Đỗ Văn Lom

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.
- **Bị đơn**: Ông Lâm Thanh T2, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp SL, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ T trình bày*:**

Vào năm 1992 bà và ông Lâm Thanh T2 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường 25, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/1992. Trong thời gian sống chung ông bà có 01 con chung tên Lâm Thị Diễm T, sinh năm 1996 hiện con chung đã trưởng thành; bà và ông T2 không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; ông, bà không còn sống chung đã từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Thanh T2. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Tên Lâm Thị Diễm T, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Tại đơn xin vắng mặt ngày 09 tháng 8 năm 2023 ông Lâm Thanh T2 trình bày:

Qua yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Mỹ T thì ông có ý kiến như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phan Thị Mỹ T. Ông không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Tên Lâm Thị Diễm T, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Do sức khỏe ông không tốt và bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lâm Thanh T2 hiện có đăng ký thường trú tại ấp SL, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Ông Lâm Thanh T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lâm Thanh T2.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Mỹ T và ông Lâm Thanh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường 25, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/1992. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà T, ông T2 được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà T xin ly hôn với ông T2 là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; ông, bà không còn sống chung từ tháng 01/2019 cho đến nay. Xét thấy: Từ tháng 01/2019 cho đến nay bà T, ông T2 không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông T2 khẳng định hiện nay ông, bà không còn thương yêu nhau và thống nhất ly hôn. Do đó căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà

T, ông T2 là phù hợp. Bà Phan Thị Mỹ T và ông Lâm Thanh T2 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Tên Lâm Thị Diễm T, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Bà Phan Thị Mỹ T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 55 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Mỹ T và ông Lâm Thanh T2. Do bà Phan Thị Mỹ T và ông Lâm Thanh T2 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Tên Lâm Thị Diễm T, sinh năm 1996 đã trưởng thành bà Phan Thị Mỹ T và ông Lâm Thanh T2 nên không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Mỹ T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007651 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Lưu HSVA+VP.

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Tất Linh – Đỗ Văn Lom

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân toaï phieân toaø

Thaåm phaùn – Chuû

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ